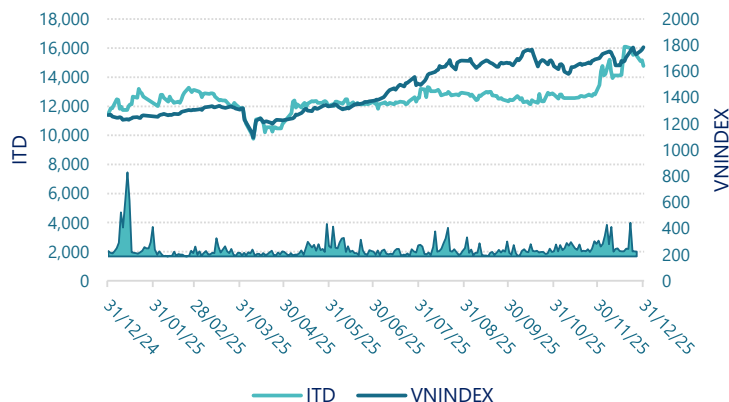




CTCP Công nghệ ITD (HSX: ITD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,094
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,764
SL cổ phiếu LH	26,172,807
KLGD BQ 20 phiên (CP)	149,825
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	411
P/E	3.9
EPS	4,039

DT thuần

Q4/25

165

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.0 | 15.7%

YoY: ▼ 4.00 | -2.1%

LN sau thuế

Q4/25

68.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.8 | 490%

YoY: ▲ 53.0 | 344%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

20.6%

+/- YoY: ▲ 14.9%

DT thuần

2025

803

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 238 | 42.1%

LN sau thuế

2025

141

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 118 | 505%

ROE

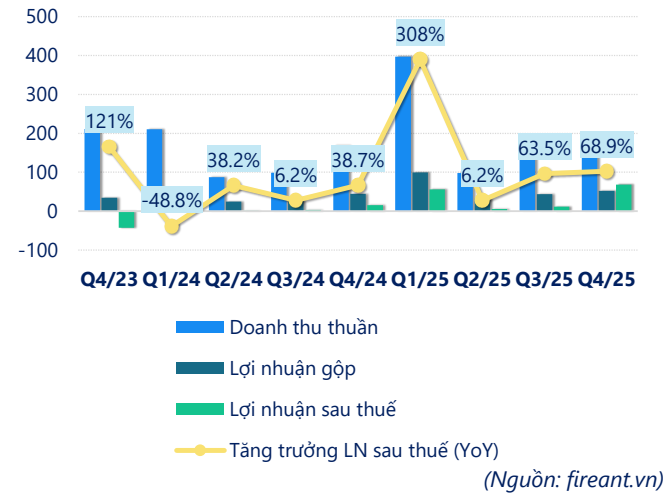
2025

25.3%

+/- YoY: ▲ 24.3%

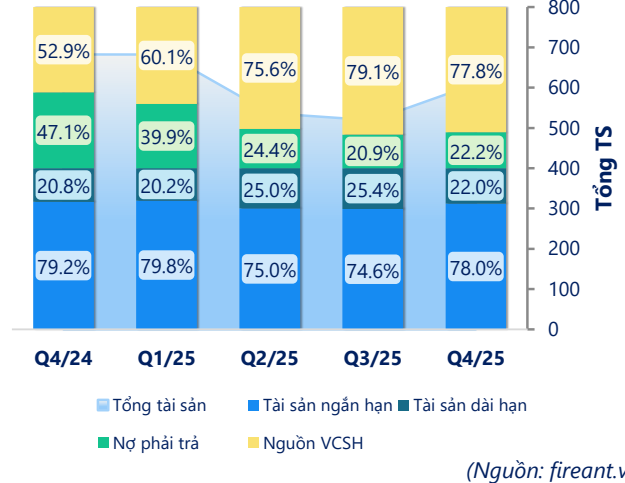
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

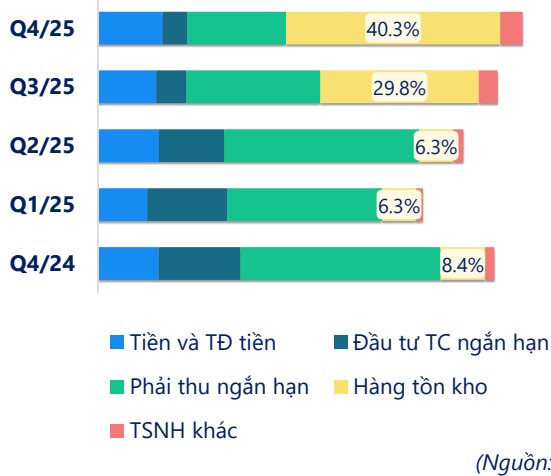


Cơ cấu Tổng tài sản

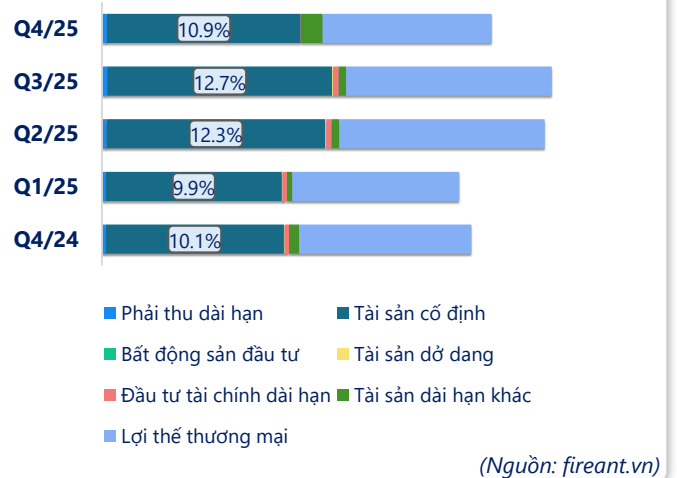
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

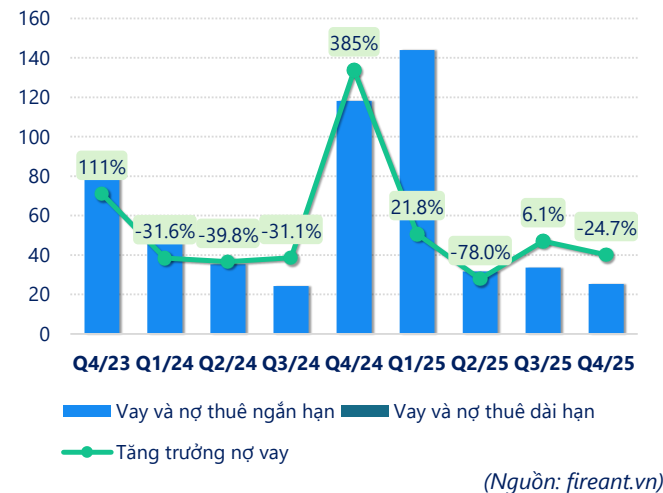


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



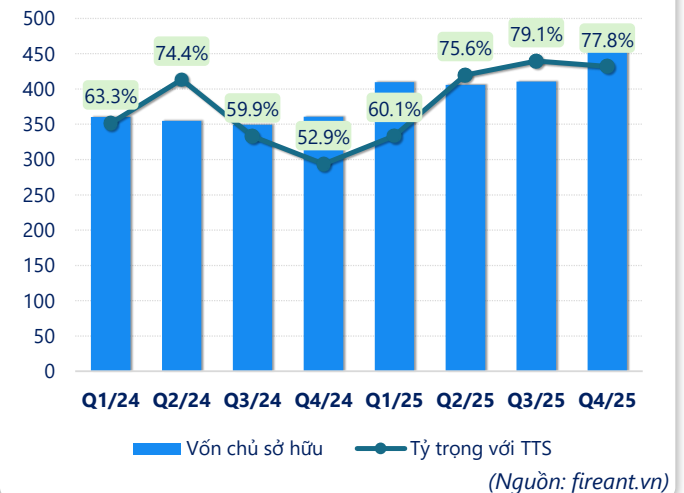
tỷ VNĐ

Nợ vay

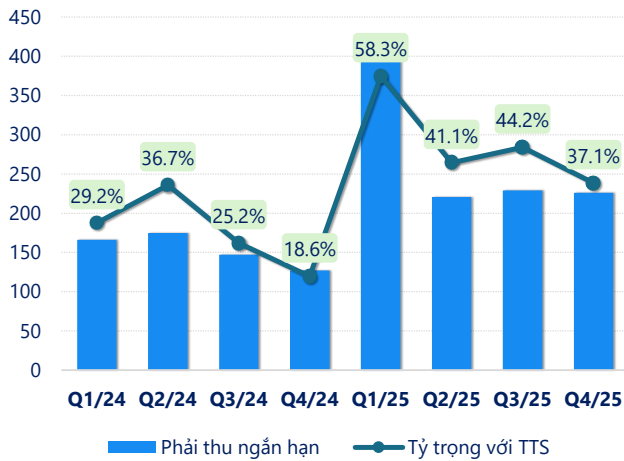


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

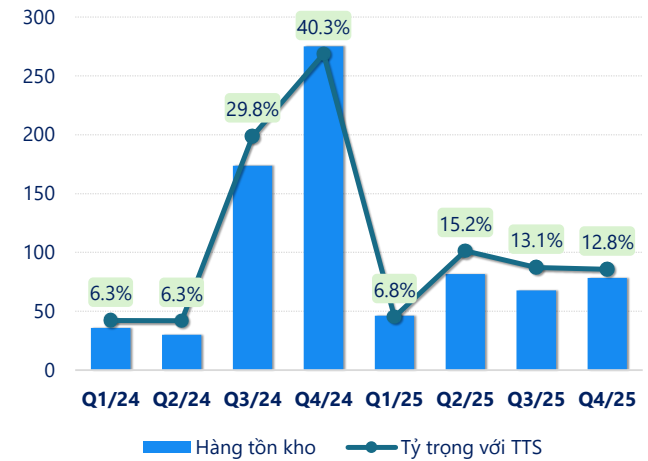


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


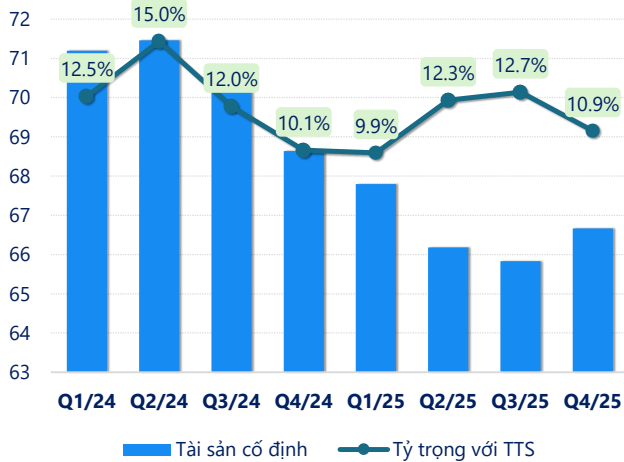
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


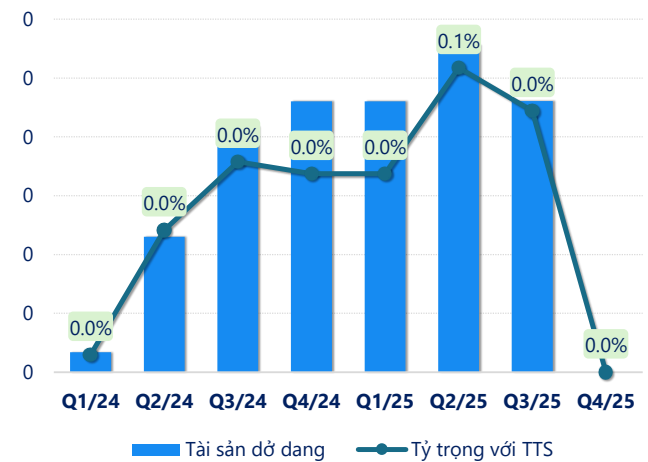
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

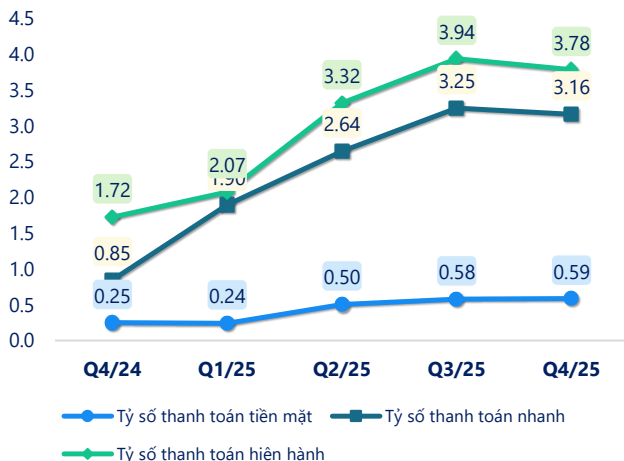
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	682	682	537	519	609
Tài sản ngắn hạn	540	544	403	387	475
Tiền và tương đương tiền	77.6	63.0	61.3	56.6	73.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.8	31.4	26.9	24.4	87.6
Phải thu ngắn hạn	127	398	221	229	226
Hàng tồn kho	275	46.3	81.6	67.8	78.2
Tài sản ngắn hạn khác	28.9	6.15	12.2	9.11	9.87
Tài sản dài hạn	142	138	134	132	134
Phải thu dài hạn	1.41	1.44	1.45	1.55	1.68
Tài sản cố định	68.6	67.8	66.2	65.8	66.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.28	0.23	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.74	1.66	1.66	1.66	0.10
Tài sản dài hạn khác	3.90	2.11	2.28	2.23	7.48
Lợi thế thương mại	66.3	64.3	62.2	60.1	58.1
Nợ phải trả	322	272	131	108	136
Nợ ngắn hạn	313	262	121	98.3	126
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	144	31.7	33.6	25.3
Phải trả người bán ngắn hạn	76.3	46.1	42.1	21.8	44.4
Nợ dài hạn	8.32	9.81	9.59	9.89	9.88
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	361	410	406	411	474
Vốn chủ sở hữu	361	410	406	411	474
Vốn điều lệ	245	245	245	262	262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)